

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 29- 8- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Trung
- Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tr- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên- Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số nhà .., tổ .., phường Th, quận H, Thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Tr vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Phạm Văn Tr và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/11/2003. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hòa T đến vài năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau do tính tình không hợp. Đến tháng 5/2023 do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Tr.

Chị và anh Tr có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 11/5/2004 và Phạm Việt A, sinh ngày 10/9/2012. Con T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con Việt A và không yêu cầu anh Tr phải góp cấp dưỡng nuôi con Việt A. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Phạm Văn Tr đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không có mặt để tham gia tố tụng. Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Tr để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không làm việc và không nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Kết quả xác minh tại cơ sở thôn nơi anh Tr cư trú được biết anh Tr hiện làm ăn kinh doanh tự do nhưng anh Tr vẫn về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Tr tại thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Bố đẻ anh Tr đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho anh Tr nhưng không ký biên bản. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không có ý kiến trình bày gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị Th được ly hôn anh Tr; về quan hệ con chung: cần giao con chung là Phạm Việt A, sinh ngày 10/9/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Văn Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Phạm Văn Tr xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa T đến vài năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau do tính tình không hợp. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Anh Tr đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp tại gia đình các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không nhận văn bản cũng như không có ý kiến gì về việc chị Th xin ly hôn. Điều đó cho thấy hai bên đều không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 11/5/2004 đủ tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Việt A, sinh ngày 10/9/2012 và con Việt A cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con Việt A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không phải góp cấp dưỡng nuôi con Việt A do chị Th không yêu cầu

Về quan hệ tài sản: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Tr không có ý kiến, yêu cầu gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Tr.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Việt A, sinh ngày 10/9/2012. Anh Tr không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004180 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th và anh Phạm Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã M,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng